

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) Phòng thi: E304
Môn thi: Kỹ năng nói Ca thi: 13h00 Ngày thi: 23/06/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA60001	20810230135	Hà Đức	An	26/06/2002			
2	TA60002	20810170308	Hoàng Minh	An	28/04/2002			
3	TA60003	22810820037	Hoàng Minh	Anh	10/02/2004			
4	TA60004	19810310212	Lê Tuấn	Anh	11/09/2001			
5	TA60005	20810720013	Nguyễn Hà Đức	Anh	22/02/2001			
6	TA60006	20810830234	Nguyễn Hải	Anh	15/04/2002			
7	TA60007	19810820047	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	02/02/2000			
8	TA60008	20810000283	Phạm Đức	Anh	07/09/2002			
9	TA60009	20810340255	Phạm Tuấn	Anh	29/06/2002			
10	TA60010	20810810168	Trịnh Phương	Anh	05/03/2002			
11	TA60011	20810830227	Trịnh Thị Quỳnh	Anh	12/10/2002			
12	TA60012	19810510119	Đình Xuân	Ánh	25/02/2001			
13	TA60013	20810830209	Nguyễn Ngọc	Ánh	05/04/2002			
14	TA60014	19810170136	Hoàng Công	Bảo	17/10/2001			
15	TA60015	ĐVTHS	Nguyễn Hải	Bình	26/10/1975			
16	TA60016	ĐVTHS	Phạm Văn	Chấn	26/10/1994			
17	TA60017	ĐVTHS	Dương Thành	Công	01/06/1981			
18	TA60018	ĐVTHS	Nghiêm Đức	Đạt	01/05/1997			
19	TA60019	19810310611	Nguyễn Thành	Đạt	07/06/1999			
20	TA60020	20810410009	Nguyễn Tiến	Đạt	05/10/2002			
21	TA60021	19810230024	Nguyễn Văn Thành	Đạt	30/10/2001			
22	TA60022	20810310001	Nguyễn Việt	Đạt	01/08/2002			
23	TA60023	19810310664	Phạm Văn	Đạt	10/08/2001			
24	TA60024	19810540133	Trần Tiến	Đạt	29/03/2001			
25	TA60025	20810430212	Hà Thế	Đức	03/02/2002			
26	TA60026	19810420218	Lê Văn	Đức	25/08/2000			
27	TA60027	20810820063	Nguyễn Hùng	Đức	04/07/2002			
28	TA60028	19810430019	Phạm Hoàng Anh	Đức	20/09/2001			
29	TA60029	20810230065	Phùng Thị Thuý	Dung	07/07/2002			
30	TA60030	20810850015	Vũ Thị	Dung	15/09/2002			
31	TA60031	19810230016	Đoàn Tiến	Dũng	28/03/2001			
32	TA60032	19810420034	Nguyễn Mạnh	Dũng	22/04/2001			
33	TA60033	21810430479	Nguyễn Tấn	Dũng	04/01/2003			
34	TA60034	19810000350	Phạm Anh	Dũng	27/01/2001			
35	TA60035	19810310084	Vũ Mạnh	Dũng	25/03/2001			
36	TA60036	19810230050	Đặng Tùng	Dương	13/02/2001			
37	TA60037	20810310069	Đình Tùng	Dương	17/03/2002			

38	TA60038	19810310619	Nguyễn Thái	Dương	16/11/2001			
39	TA60039	20810230102	Trần Đức	Duy	26/12/2002			
40	TA60040	20810810115	Đỗ Thị Thuý	Giang	06/04/2002			
41	TA60041	19810430035	Nguyễn Hoàng	Giang	03/12/2001			
42	TA60042	20810810060	Phạm Thu	Hà	25/12/2002			
43	TA60043	20819110107	Vũ Phương	Hà	27/06/2002			
44	TA60044	2283010096	Phạm Việt	Hải	01/08/1995			
45	TA60045	20810000471	Phạm Thu	Hằng	09/04/2002			
46	TA60046	21810830201	Trịnh Linh	Hằng	27/02/2003			
47	TA60047	20810830217	Nguyễn Thị	Hạnh	14/08/2002			
48	TA60048	20819110077	Nguyễn Văn	Hào	23/04/2002			
49	TA60049	20810820130	Vũ Thu	Hiền	27/06/2002			
50	TA60050	20810430191	Khổng Minh	Hiệp	07/01/2002			
51	TA60051	ĐVTHS	Vi Lê	Hiệp	22/12/1995			
52	TA60052	20810710286	Hà Quang	Hiếu	02/05/2002			
53	TA60053	ĐVTHS	Nguyễn Chí	Hiếu	12/09/1998			
54	TA60054	20810320116	Phạm Trung	Hiếu	15/05/2002			
55	TA60055	21810810297	Bùi Thị	Hoài	20/10/2003			
56	TA60056	19810410212	Nguyễn Văn	Hoàng	15/11/2001			
57	TA60057	20819110080	Vũ Minh	Hoàng	27/07/2002			
58	TA60058	20819110082	Lê Ngọc	Hoành	08/01/2002			
59	TA60059	20810000166	Nguyễn Thu	Hồng	17/12/2002			
60	TA60060	20810230112	Vũ Minh	Huân	23/10/2002			
61	TA60061	20810710067	Ma Kiên	Huân	01/08/2002			
62	TA60062	21810830286	Ngô Thu	Huế	22/06/2003			
63	TA60063	20810850018	Phạm Nam	Hưng	19/05/2002			
64	TA60064	19810810134	Bùi Thị Ngọc	Huyền	25/03/2001			
65	TA60065	20810000178	Nguyễn Thị	Huyền	12/12/2002			
66	TA60066	20810230126	Nguyễn Thị Thương	Huyền	10/02/2002			
67	TA60067	19810710024	Phạm Khánh	Huyền	11/09/2001			
68	TA60068	20810170322	Nguyễn Quang	Huỳnh	15/08/2002			
69	TA60069	20810230074	Đỗ Văn	Khang	05/12/2002			
70	TA60070	20810230151	Phạm Quốc	Khang	08/01/2002			
71	TA60071	20810620091	Nguyễn Khắc	Khánh	07/11/2002			
72	TA60072	20810710094	Tổng Nguyễn Quốc	Khánh	21/07/2002			
73	TA60073	20819120051	Trần Duy	Khánh	14/08/2002			
74	TA60074	21810410052	Nguyễn Duy	Khoa	04/10/2003			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) Phòng thi: E403
Môn thi: Kỹ năng nói Ca thi: 13h00 Ngày thi: 23/06/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA60075	19810310005	Lê Trung	Kiên	17/04/2001			
2	TA60076	20810230011	Nguyễn Trung	Kiên	18/11/2002			
3	TA60077	19810310003	Nguyễn Văn	Kiên	30/09/2001			
4	TA60078	20810110288	Đình Tùng	Lâm	30/01/2002			
5	TA60079	20810110290	Nguyễn Văn	Lâm	14/10/2002			
6	TA60080	20810310371	Phùng Thị Phương	Lan	01/11/2001			
7	TA60081	20810820052	Đoàn Hương	Lệ	09/06/2002			
8	TA60082	20810810178	Nguyễn Phương	Linh	05/06/2002			
9	TA60083	19810810048	Nguyễn Thị	Linh	05/10/2001			
10	TA60084	20810710153	Nguyễn Thị Hải	Linh	08/10/2002			
11	TA60085	20810000504	Phạm Thị Khánh	Linh	15/08/2002			
12	TA60086	20810830232	Phan Uyên	Linh	08/03/2002			
13	TA60087	20810000490	Đỗ Thị Thanh	Loan	24/10/2002			
14	TA60088	20810310418	Nguyễn Sĩ	Lợi	26/06/2002			
15	TA60089	20810430347	Dương Văn	Long	12/08/2002			
16	TA60090	19810310054	Nguyễn Duy	Long	09/05/2001			
17	TA60091	20810340188	Nguyễn Thành	Long	15/01/2002			
18	TA60092	20810620013	Nguyễn Đức	Mạnh	16/05/2002			
19	TA60093	20810610017	Nguyễn Tiến	Mạnh	19/10/2002			
20	TA60094	20810310014	Nguyễn Văn	Mạnh	31/01/2002			
21	TA60095	20810000195	Phạm Tiến	Mạnh	30/09/2002			
22	TA60096	21810110299	Nguyễn Bình	Minh	19/11/2003			
23	TA60097	20819120007	Nguyễn Quang	Minh	09/07/2002			
24	TA60098	20810310042	Trần Hữu Châu	Minh	10/09/1997			
25	TA60099	20810710076	Ngô Thị	Nga	14/09/2002			
26	TA60100	20810820093	Lê Thị Kim	Ngân	20/01/2001			
27	TA60101	20810110280	Trần Đình	Nguyên	05/05/2002			
28	TA60102	20810420081	Nguyễn Linh	Nhi	28/08/2002			
29	TA60103	20810850049	Trần Linh	Nhi	26/08/2002			
30	TA60104	20810420014	Nguyễn Hùng	Phong	09/01/2002			
31	TA60105	20810000439	Đỗ Nguyên	Phương	17/10/2002			
32	TA60106	20810000510	Mai Thị	Phượng	09/03/2002			
33	TA60107	20810810134	Nguyễn Thị	Phượng	20/12/2024			
34	TA60108	20819120040	Trần Văn	Quân	05/11/2002			
35	TA60109	2162010034	Đặng Minh	Quang	11/04/2000			
36	TA60110	20810510077	Phạm Minh	Quang	20/12/2002			
37	TA60111	19810430011	Trần Anh	Quốc	01/04/2001			

38	TA60112	21810230431	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	20/02/2003			
39	TA60113	20810820105	Phạm Thị	Quỳnh	15/02/2002			
40	TA60114	20810310433	Lê Hoàng	Sơn	28/02/2002			
41	TA60115	20810310389	Phạm Ngọc	Sơn	27/12/2024			
42	TA60116	20810110262	Nguyễn Văn	Thái	21/10/2002			
43	TA60117	20810720022	Hoàng Đức	Thắng	11/10/2001			
44	TA60118	20810820072	Nguyễn Đức	Thắng	20/12/2002			
45	TA60119	2162010038	Nguyễn Đức	Thắng	20/01/1985			
46	TA60120	20810000470	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	12/08/2002			
47	TA60121	20810170321	Đỗ An	Thuận	30/01/2002			
48	TA60122	20810810145	Đặng Thu	Thủy	28/12/2002			
49	TA60123	21710110035	Chu Mạnh	Tiến	17/12/2000			
50	TA60124	19810230008	Nguyễn Văn	Tiến	01/01/2001			
51	TA60125	20810430265	Hoàng Huy	Tới	18/03/2002			
52	TA60126	19810310075	Cao Thị Huyền	Trang	07/12/2001			
53	TA60127	21810830235	Dương Thị Thu	Trang	03/11/2003			
54	TA60128	20810810052	Lê Thu	Trang	30/05/2002			
55	TA60129	20810810046	Mỹ Thu	Trang	05/03/2002			
56	TA60130	20810850050	Nguyễn Thị Thu	Trang	26/05/2002			
57	TA60131	20810230048	Vũ Thị	Trang	22/11/2002			
58	TA60132	21810810177	Vũ Thị Hương	Trang	22/06/2003			
59	TA60133	20819110139	Vũ Văn	Trung	19/02/2002			
60	TA60134	19810310104	Lê Sơn	Trường	22/02/2001			
61	TA60135	21710110008	Nguyễn Quang	Trường	10/10/2000			
62	TA60136	20810170358	Phạm Anh	Tú	18/05/2002			
63	TA60137	2162010042	Nguyễn Anh	Tuấn	02/01/1998			
64	TA60138	19810310227	Phạm Anh	Tuấn	11/01/2001			
65	TA60139	20810820058	Trần Lê Anh	Tuấn	16/01/2002			
66	TA60140	20810850091	Khương Đức	Tùng	13/01/2002			
67	TA60141	20810830202	Phan Thanh	Tùng	06/09/2002			
68	TA60142	20810170305	Trần Công	Tuyên	21/01/2002			
69	TA60143	20810170348	Đỗ Quang	Tỵ	19/12/2001			
70	TA60144	ĐVTHS	Hoàng Quốc	Việt	27/04/1997			
71	TA60145	22810170292	Luyện Quang	Vinh	11/01/2004			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)